| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THẠCH THÀNH**<br>**TỈNH THANH HOÁ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 06 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 02 - 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Bùi Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Trần Thị Dần
2. Ông Đinh Văn Tân

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Lê Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:*** Bà Dương Thị Hiên - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST- HNGĐ ngày 14/01/2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1999

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Anh Ngô Ngọc T; sinh năm: 1997

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên toà chị Y vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Ngô Ngọc T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/9/2017 tại Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, chị Y và anh T chung sống hòa thuận được sáu năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hoà hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên cãi

cọ, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị Y và anh T đã ly thân từ tháng 4/2024 đến nay. Nay chị Y xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh Ngô Ngọc T.

Về con chung: Vợ, chồng có 02 con chung là cháu Ngô Quốc L sinh ngày 01/02/2017 và cháu Ngô Yến N, sinh ngày: 27/7/2023. Ly hôn chị Y có nguyện vọng nuôi cả hai cháu. Yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Y mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ cháu/ tháng, hai cháu là 3.000.000 đồng/ tháng cho tới khi mỗi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Chị Nguyễn Thị Y không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 04/12/2024 anh Ngô Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T1 và chị Y kết hôn năm 2017 tại thôn T, xã T. Vợ chồng sinh sống được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T1 không quan tâm đến gia đình, anh T1 không có ý kiến gì về việc chị Y yêu cầu ly hôn với anh.

- Về con chung: Anh T1 và chị Y có 02 con chung là cháu Ngô Quốc L sinh ngày 01/02/2017 và cháu Ngô Yến N, sinh ngày: 27/7/2023. Sau khi ly hôn anh T1 có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai cháu.

- Về tài sản: anh Ngô Ngọc T không yêu cầu Toà án giải quyết.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn, đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Ngô Ngọc T.

Về con chung: Giao cháu cháu Ngô Thị Yến N, sinh ngày: 27/3/2023 cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu cháu Ngô Quốc L, sinh ngày: 01/02/2017 anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Ngô Ngọc T, anh T cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp

tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh T vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh T và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh T theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Anh T1 cũng đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

Anh T1 cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị Nguyễn Thị Y có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt chị Y và anh T1.

[2]. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Y và anh Ngô Ngọc T kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 21/9/2017 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận được 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không quan tâm đến gia đình, dẫn đến vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài. Vợ, chồng đã sống ly thân từ tháng 04/2024. Đến nay, chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn với anh Ngô Ngọc T là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ, chồng có có 02 con chung là cháu Ngô Quốc L sinh ngày 01/02/2017 và cháu Ngô Yến N, sinh ngày: 27/7/2023. Khi ly hôn, chị Y có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu L và cháu N. Yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Y mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ cháu/ tháng, hai cháu là 3.000.000 đồng/ tháng. Anh T1 có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu L và cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy ý kiến của cháu L, cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét yêu cầu của chị Y và anh T1 là chính đáng và hợp pháp. Tuy nhiên chị Y và anh T1 đều có sức khỏe có việc làm. Từ khi vợ, chồng ly thân cháu L ở với bố và ông, bà nội. Cháu N đang còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Để đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định, tốt nhất. Vì vậy, HĐXX xét thấy nên giao cháu L cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu N cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tài sản: Chị Y và anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật. Số tiền chị Y đã nộp tạm ứng án phí được trừ vào số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Y được ly hôn anh Ngô Ngọc T.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Quốc L sinh ngày 01/02/2017 cho anh Ngô Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Ngô Yến N, sinh ngày: 27/7/2023 cho chị Nguyễn Thị Y trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau

Chị Nguyễn Thị Y và anh Ngô Ngọc T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị Y đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002414 ngày 17/10/2024. Chị Nguyễn Thị Y đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Nguyễn Thị Y và anh Ngô Ngọc T. Chị Y và anh T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa**

**Bùi Văn Hải**